|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /2024/TT-BGTVT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

**DỰ THẢO**

**THÔNG TƯ**

**Quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa**

*Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 15 tháng 6 năm 2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa ngày 17 tháng 6 năm 2014;*

*Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 8 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;*

*Căn cứ Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chính phủ về quản lý hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kết cấu hạ tầng giao thông, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam và Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam;*

*Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Thông tư quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về quản lý hoạt động nạo vét liên quan đến kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa, bao gồm:

1. Nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện, nạo vét khẩn cấp và công tác kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện quản lý thi công luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa.

2. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp nghiên cứu khả thi dự án nạo vét kết hợp thu hồi sản phẩm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải.

2. Đối với hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, vùng nước đường thủy nội địa thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm phân công cho các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tổ chức thực hiện các quy định tại Thông tư này.

**Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Thông tư này các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tư vấn quản lý dự án là tổ chức được người quyết định đầu tư lựa chọn theo quy định của pháp luật về xây dựng được quy định tại Điều 62 Luật Xây dựng năm 2014 được sửa đổi, bổ sung tại khoản 19 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng để thực hiện một phần hoặc toàn bộ các nội dung quản lý dự án theo quy định.

2. Hợp đồng quản lý dự án là hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án.

3. Hợp đồng thi công là hợp đồng được ký kết giữa chủ đầu tư và nhà thầu thi công nạo vét.

4. Hợp đồng thi công nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia theo chất lượng thực hiện là hợp đồng có giá hợp đồng không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng đối với toàn bộ nội dung, phạm vi công việc, yêu cầu kỹ thuật vàđiều khoản quy định trong hợp đồng.

5. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực là Chi cục Đường thủy nội địa, Cảng vụ Đường thủy nội địa trực thuộc Cục Đường thủy nội địa Việt Nam hoặc Sở Giao thông vận tải (đối với đường thủy nội địa địa phương hoặc đường thủy nội địa quốc gia gia được ủy quyền hoặc phân cấp).

**Chương II**

**NẠO VÉT DUY TU LUỒNG HÀNG HẢI CÔNG CỘNG, LUỒNG ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA QUỐC GIA**

**Mục 1**

**NẠO VÉT DUY TU THEO CHẤT LƯỢNG THỰC HIỆN**

**Điều 4. Trình tự thực hiện**

Căn cứ kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia theo hình thức nạo vét theo chất lượng thực hiện thuộc Kế hoạch bảo trì công trình hằng năm được phê duyệt và dự toán chi ngân sách nhà nước được giao, chủ đầu tư triển khai thực hiện theo các bước tiếp theo theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024 của Chính phủ quy định về quản lý hoạt động nạo vét liên quan đến kết cấu hạ tầng hàng hải, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa trong vùng nước cảng biển và vùng nước đường thủy nội địa (Nghị định số 57/2024/NĐ-CP ngày 20/5/2024).

**Điều 5. Kế hoạch nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện**

1. Nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt trong kế hoạch nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia thuộc Kế hoạch bảo trì công trình hàng hải, công trình đường thủy nội địa hằng năm.

2. Việc lựa chọn hình thức nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia theo hình thức nạo vét theo chất lượng thực hiện căn cứ vào các nội dung cơ bản sau:

a) Tầm quan trọng của tuyến luồng đối với hoạt động hàng hải, đường thủy, khả năng khai thác vận tải thủy, khai thác các cảng biển phục vụ xuất nhập khẩu hàng hóa, phát triển kinh tế xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh tại khu vực;

b) Số liệu thống kê về khối lượng hàng hóa, lượt tàu thông qua cảng trong thời gian 03 năm gần nhất (đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng); Số liệu về cảng, bến thủy nội địa trên tuyến, gồm: vị trí, lý trình; lưu lượng, trọng tải phương tiện thủy được phép tiếp nhận (đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa);

c) Số liệu thống kê kích thước cỡ tàu, trọng tải phương tiện thủy chủ yếu và mớn nước khai thác hành hải trên luồng, tần suất và cao độ mực nước chạy tàu hiệu quả;

d) Diễn biến sa bồi, kết quả nạo vét duy tu trong khoảng thời gian tối thiểu 03 năm gần nhất để tính toán khối lượng nạo vét duy tu;

đ) Phương án khu vực tiếp nhận chất nạo vét phù hợp.

**Điều 6. Lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng**

1. Việc lập, thẩm định, phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuậtđầu tư xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng.

2. Thiết kế bản vẽ thi công, dự toán công trình của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng đối với hình thức nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện được lập trên cơ sở:

a) Chuẩn tắc nạo vét của tuyến luồng được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt tại kế hoạch nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện;

b) Thời gian thực hiện thi công nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện (khoán duy trì chuẩn tắc) từ 03 năm đến 05 năm;

c) Khối lượng nạo vét thiết kế của công trình được tính toán theo tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng cho công trình, bao gồm: khối lượng nạo vét duy tu ban đầu (thực hiện thi công đến chuẩn tắc nạo vét của tuyến luồng được phê duyệt) và khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng (thực hiện thi công trong khoảng thời gian từ sau khi hoàn thành đợt nạo vét duy tu ban đầu đến hết thời gian duy trì chuẩn tắc luồng theo hợp đồng);

Khối lượng nạo vét duy tu ban đầu gồm khối lượng được xác định theo số liệu khảo sát thông báo hàng hải, thông báo đường thủy nội địa gần nhất trong năm hoặc thực hiện khảo sát đo đạc và khối lượng sa bồi dự kiến từ thời điểm khảo sát đo đạc thông báo hàng hải, thông báo luồng đường thủy nội địa đến thời điểm khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng. Khối lượng nạo vét duy tu ban đầu được chuẩn xác lại theo số liệu khảo sát đo đạc bàn giao mặt bằng.

Khối lượng nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng là khối lượng trung bình hàng năm, xác định trên cơ sở diễn biến khối lượng sa bồi, tính toán trên các số liệu khảo sát thông báo hàng hải, thông báo đường thủy nội địa định kỳ, số liệu đo đạc bàn giao mặt bằng công trình và số liệu đo đạc nghiệm thu nạo vét duy tu của tuyến luồng trong khoảng thời gian tối thiểu 03 năm gần nhất.

d) Khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh công bố, chấp thuận đảm bảo tiếp nhận chất nạo vét trong thời gian thực hiện nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện;

e) Dự toán kinh phí nạo vét duy tu theo chất lượng thực hiện được xác định theo: khối lượng nạo vét thiết kế của công trình (tương ứng với chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét và thời gian duy trì chuẩn tắc); kinh phí khảo sát đo đạc kiểm tra đột xuất (để kiểm tra, đánh giá chất lượng thực hiện nạo vét duy trì chuẩn tắc luồng) thực hiện với tần suất thực hiện tối đa 03 lần/tuyến luồng/năm, phạm vi đo đạc khảo sát mỗi lần do chủ đầu tư chỉ định với diện tích khảo sát tối đa bằng 30% diện tích mặt bằng tuyến luồng để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu thi công; các khoản mục chi phí theo quy định của pháp luật về xác định dự toán xây dựng công trình.

**Điều 7. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, bàn giao mặt bằng thi công, tổ chức thi công công trình**

1. Chủ đầu tư tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

2. Chủ đầu tư chủ trì, chỉ đạo tư vấn quản lý dự án phối với các đơn vị tư vấn giám sát và tư vấn thiết kế tổ chức thực hiện bàn giao mặt bằng công trình cho nhà thầu thi công trước thời điểm thực hiện thi công nạo vét.

3. Nhà thầu thi công có trách nhiệm

a) Thực hiện các yêu cầu về công tác môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường có liên quan;

b) Tuân thủ đúng phương án bảo đảm an toàn hàng hải, an toàn giao thông đường thủy nội địa đã được phê duyệt trong suốt quá trình thi công;

c) Bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định của pháp luật và phù hợp với hợp đồng thi công nạo vét theo chất lượng thực hiện đã ký kết;

d) Thực hiện thi công nạo vét theo quy định của hợp đồng và quy định của pháp luật, bảo đảm luôn duy trì đúng chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng trong suốt thời gian thực hiện hợp đồng;

đ) Trong thời hạn chậm nhất 02 ngày, kể từ khi phát hiện các vị trí cạn hoặc theo cảnh báo, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác tuyến luồng, nhà thầu thi công phải khảo sát, lập phương án nạo vét; chậm nhất 05 ngày, kể từ khi phát hiện các vị trí cạn hoặc theo văn bản cảnh báo, yêu cầu của các cơ quan, đơn vị liên quan đến công tác quản lý, vận hành, khai thác tuyến luồng, nhà thầu thi công phải tiến hành nạo vét các vị trí cạn để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, thời gian hoàn thành thi công không quá 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu triển khai thi công nạo vét khắc phục các vị trí cạn sau khi nhận được văn bản cảnh báo; đồng thời thông báo cho đơn vị tư vấn giám sát để thực hiện giám sát thi công theo quy định.

Trường hợp do điều kiện thời tiết không thể thực hiện được việc khảo sát, nạo vét các vị trí cạn (có xác nhận của Cảng vụ Hàng hải tại khu vực đối với nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực đối với nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia), nhà thầu thi công phải báo cáo ngay cho tư vấn quản lý dự án để được hướng dẫn và chậm nhất 02 ngày, kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng, phải thực hiện khảo sát, lập phương án nạo vét và tiến hành nạo vét ngay các vị trí cạn để đảm bảo chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, thời gian hoàn thành thi công không quá 15 ngày, kể từ ngày chấm dứt sự kiện bất khả kháng và bắt đầu triển khai thi công nạo vét khắc phục các vị trí cạn.

e) Tổ chức khảo sát đo đạc kiểm tra nội bộ kết quả thi công công trình tại hiện trường. Thực hiện đo đạc khảo sát kết quả nạo vét các đoạn cạn bằng kinh phí của nhà thầu thi công trong trường hợp quy định tại điểm b khoản 4 Điều này;

g) Trường hợp nhà thầu thi công không hoàn thành việc nạo vét đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng đúng thời gian, tiến độ, chất lượng theo thỏa thuận trong hợp đồng và đã nhận được văn bản cảnh báo mà không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này thì tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm báo cáo chủ đầu tư xem xét quyết định giảm trừ chi phí trong hợp đồng tương ứng với phần thời gian không bảo đảm chuẩn tắc thiết kế (kể từ thời điểm cảnh báo đến khi hoàn thành việc khắc phục);

h) Trường hợp nhà thầu thi công đã nhận được văn bản cảnh báo đến lần thứ hai mà vẫn không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn (đã được văn bản cảnh báo lần thứ nhất) đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này, tư vấn quản lý dự án báo cáo chủ đầu tư xem xét quyết định tiến hành lựa chọn nhà thầu khác có đủ năng lực để thi công nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc với đơn giá phù hợp với điều kiện thi công tại thời điểm thực hiện. Nhà thầu thi công sẽ phải thanh toán đầy đủ cho nhà thầu được lựa chọn thi công thay thế. Nếu nhà thầu thi công chậm trễ trong thanh toán hoặc không thanh toán đầy đủ cho nhà thầu được lựa chọn khi đã hoàn thành đầy đủ các thủ tục thanh toán theo quy định, tư vấn quản lý dự án báo cáo chủ đầu tư xem xét, quyết định thực hiện các biện pháp cần thiết theo quy định có liên quan của pháp luật và thỏa thuận của hợp đồng thi công đã ký kết để đảm bảo việc thanh toán cho nhà thầu được lựa chọn thi công thay thế;

i) Trường hợp nhà thầu thi công không hoàn thành việc nạo vét đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng đảm bảo yêu cầu tiến độ, chất lượng công trình theo thỏa thuận trong hợp đồng và nhận được văn bản cảnh báo lần thứ ba mà vẫn không hoàn thành việc nạo vét các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng theo thời gian quy định tại điểm đ khoản này hoặc có hành vi đổ chất nạo vét không đúng vị trí, chuyển nhượng thầu trái quy định pháp luật và các hoạt động nạo vét gây tai nạn hàng hải, gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng do lỗi chủ quan của nhà thầu, tư vấn quản lý dự án báo cáo chủ đầu tư xem xét, chấp thuận chấm dứt hợp đồng đã ký kết và thực hiện lựa chọn nhà thầu thi công khác đủ năng lực theo quy định để tiếp tục thực hiện công trình;

k) Ngoài các biện pháp quy định tại điểm g, điểm h và điểm i khoản này, nhà thầu thi công còn phải chịu phạt hợp đồng, khắc phục hậu quả vi phạm, chịu trách nhiệm đối với các sự cố xảy ra liên quan đến hoạt động của tàu thuyền do luồng tàu cạn và chịu trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và thoả thuận trong hợp đồng thi công đã ký kết.

4. Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm:

a) Quản lý dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng và nhiệm vụ được chủ đầu tư giao thông qua hợp đồng quản lý dự án được ký kết;

b) Căn cứ kết quả đo đạc khảo sát thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa định kỳ để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu. Trường hợp phát hiện các vị trí cạn, tư vấn quản lý dự án chủ động thông báo yêu cầu nhà thầu thi công tiến hành nạo vét ngay các vị trí cạn đạt chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng, đồng thời thông báo cho tư vấn giám sát để thực hiện giám sát thi công theo quy định; báo cáo kết quả thực hiện thi công nạo vét cho chủ đầu tư và Cảng vụ Hàng hải tại khu vực, Cơ quan quản lýđường thủy nội địa khu vực;

c) Báo cáo kết quả giám sát chất lượng môi trường trong quá trình thực hiện nạo vét cho chủ đầu tư và các đơn vị liên quan theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

d) Tổ chức kiểm tra giám sát việc tuân thủ của nhà thầu thi công trong quá trình thi công đối với các quy định về bảo vệ môi trường, bảo đảm an toàn hàng hải. Đề xuất chủ đầu tư đình chỉ thi công để xử lý hành vi vi phạm của nhà thầu và tổ chức, cá nhân liên quan (nếu có);

e) Phối hợp, kiểm tra và giám sát việc thực hiện lập và lưu trữ hồ sơ hoàn thành công trình của các nhà thầu; Báo cáo chủ đầu tư về hồ sơ hoàn thành công trình trước khi chủ đầu tư tổ chức nghiệm thu hạng mục công trình, công trình xây dựng đưa vào sử dụng theo quy định.

5. Chủ đầu tư có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo tư vấn quản lý dự án và các đơn vị liên quan căn cứ kết quả đo đạc, khảo sát định kỳ thông báo hàng hải, luồng đường thủy nội địa theo quy định để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu thi công và phục vụ nghiệm thu công trình theo giai đoạn hoặc nghiệm thu hoàn thành để đưa vào sử dụng;

b) Chỉ đạo nhà thầu tư vấn thực hiện đo đạc, khảo sát kiểm tra đột xuất để kiểm tra việc duy trì chuẩn tắc thiết kế tuyến luồng của nhà thầu thi công; đồng thời gửi kết quả đo đạc, khảo sát kiểm tra đột xuất đến cơ quan có thẩm quyền để công bố thông báo hàng hải, đường thủy nội địa theo quy định;

c) Kiểm điểm chất lượng, tiến độ thi công công trình, an toàn trong quá trình thi công; đình chỉ thi công và xử lý hành vi vi phạm của nhà thầu và tổ chức, cá nhân liên quan theo quy định;

6. Công tác kiểm tra, giám sát: thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư này.

**Điều 8. Nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình**

Công tác nghiệm thu, thanh toán, quyết toán công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải, nạo vét duy tu luồng đường thủy nội địa quốc gia theo hình thức nạo vét theo chất lượng thực hiện được thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

**Mục 2**

**NẠO VÉT KHẨN CẤP**

**Điều 9. Trình tự thực hiện**

Nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia được thực hiện theo trình tự sau:

1. Quyết định việc nạo vét khẩn cấp.

2. Tổ chức thực hiện nạo vét khẩn cấp.

3. Tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình.

4. Thanh toán, quyết toán công trình.

**Điều 10. Quyết định việc nạo vét khẩn cấp**

1. Cảng vụ Hàng hải khu vực chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý vận hành luồng hàng hải công cộng tiến hành khảo sát, đánh giá sơ bộ mức độ khẩn cấp và báo cáo Cục Hàng hải Việt Nam thực hiện nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng. Cơ quan quản lý đường thủy nội địa khu vực chủ trì, phối hợp với đơn vị quản lý, bảo trì đường thủy nội địa khảo sát, đánh giá sơ bộ mức độ khẩn cấp và báo cáo Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thực hiện nạo vét khẩn cấp luồng đường thủy nội địa quốc gia. Nội dung báo cáo bao gồm: mục đích nạo vét; địa điểm nạo vét; người được giao quản lý, thực hiện nạo vét khẩn cấp công trình; thời gian nạo vét công trình; khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc khu vực, địa điểm tập kết, tiếp nhận chất nạo vét tạm thời; dự kiến chi phí và nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

2. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam thẩm định, đánh giá mức độ bồi, lấp, sạt lở, sa bồi trên luồng gây ách tắc, cản trở đến hoạt động giao thông hàng hải, giao thông đường thủy nội địa và nguy cơ mất an toàn hàng hải, đường thủy hoặc ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động hàng hải, đường thủy, báo cáo Bộ Giao thông vận tải quyết định nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

3. Bộ Giao thông vận tải có thẩm quyền quyết định nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia thuộc phạm vi quản lý bằng lệnh nạo vét khẩn cấp.

4. Lệnh nạo vét khẩn cấp được thể hiện bằng văn bản gồm các nội dung: mục đích nạo vét; địa điểm nạo vét; người được giao quản lý, thực hiện nạo vét khẩn cấp công trình; thời gian nạo vét công trình; khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận hoặc khu vực, địa điểm tập kết, tiếp nhận chất nạo vét tạm thời; dự kiến chi phí và nguồn lực thực hiện và các yêu cầu cần thiết khác có liên quan.

**Điều 11. Tổ chức thực hiện nạo vét khẩn cấp**

1. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam là người được giao quản lý thực hiện nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia và được tự quyết định toàn bộ công việc trong hoạt động nạo vét khẩn cấp, bao gồm: giao tổ chức, cá nhân thực hiện các công việc khảo sát, thiết kế và thi công nạo vét và các công việc cần thiết khác phục vụ nạo vét công trình khẩn cấp; quyết định về trình tự thực hiện khảo sát, thiết kế và thi công nạo vét; quyết định về việc giám sát thi công nạo vét và nghiệm thu công trình đáp ứng yêu cầu của lệnh nạo vét khẩn cấp.

2. Căn cứ lệnh nạo vét khẩn cấp được duyệt, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam lựa chọn, chỉ định nhà thầu có năng lực, kinh nghiệm để thực hiện ngay các gói thầu thuộc công trình nạo vét khẩn cấp theo quy trình rút gọn quy định tại khoản 1 Điều 23 Luật Đấu thầu.

3. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam chỉ đạo các đơn vị có liên quan tổ chức khảo sát bàn giao mặt bằng (bao gồm mặt bằng nạo vét và vị trí đổ chất nạo vét) cho nhà thầu thi công để tổ chức thực hiện thi công công trình.

4. Trường hợp sử dụng khu vực, địa điểm tập kết, tiếp nhận chất nạo vét tạm thời, trong quá trình triển khai thi công công trình, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các thủ tục về môi trường theo quy định để được cơ quan có thẩm quyền chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét chính thức cho công trình nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia và tiếp tục thi công nạo vét, vận chuyển vào vị trí đổ chất nạo vét chính thức.

**Điều 12. Tổ chức lập và hoàn thiện hồ sơ hoàn thành công trình**

1. Sau khi kết thúc thi công nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia, Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam có trách nhiệm tổ chức lập hồ sơ hoàn thành công trình, bao gồm:

a) Lệnh nạo vét khẩn cấp;

b) Hồ sơ khảo sát, Báo cáo kinh tế - kỹ thuật được duyệt;

c) Hồ sơ quản lý chất lượng công trình bao gồm: các biên bản nghiệm thu, kết quả thí nghiệm, quan trắc, đo đạc (nếu có); nhật ký thi công xây dựng công trình và các hình ảnh ghi nhận quá trình thi công xây dựng công trình (nếu có); biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình xây dựng; các căn cứ, cơ sở để xác định khối lượng công việc hoàn thành và các hồ sơ, văn bản, tài liệu khác có liên quan hoạt động nạo vét khẩn cấp.

2. Cục Hàng hải Việt Nam, Cục Đường thủy nội địa Việt Nam tổng hợp, trình Bộ Giao thông vận tải phê duyệt điều chỉnh, bổ sung kế hoạch bảo trì công trình hàng hải đối với nhiệm vụ nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

**Điều 13. Thanh toán, quyết toán công trình**

1. Căn cứ kế hoạch bảo trì công trình hàng hải được duyệt, Bộ Giao thông vận tải giao điều chỉnh, bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước để thanh toán nhiệm vụ nạo vét khẩn cấp luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia.

2. Công tác thanh toán, quyết toán công trình nạo vét khẩn cấp thực hiện theo quy định tại Điều 19 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP và các quy định pháp luật liên quan.

**Mục 3**

**KIỂM TRA, GIÁM SÁT VÀ TỔ CHỨC QUẢN LÝ THI CÔNG**

**Điều 14. Nội dung công tác kiểm tra giám sát**

Nội dung công tác kiểm tra, giám sát công trình nạo vét duy tu luồng hàng hải công cộng, luồng đường thủy nội địa quốc gia thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP, quy định của pháp luật liên quan và các nội dung sau:

1. Việc giám sát thi công thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng và bảo đảm các yêu cầu sau:

a) Giám sát thi công được thực hiện trong suốt quá trình thi công công trình từ khi khởi công, trong thời gian thực hiện cho đến khi hoàn thành và nghiệm thu công trình.

b) Giám sát phương tiện nạo vét, vận chuyển đổ chất nạo vét tại vị trí nạo vét, hành trình đi đổ chất nạo vét và tại vị trí đổ chất nạo vét. Thu thập, tổng hợp các thông tin, dữ liệu hiện trường (vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ) từ thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện nạo vét, vận chuyển. Chụp ảnh khoang chứa chất nạo vét của phương tiện vận chuyển tại các thời điểm: bắt đầu nhận chất nạo vét tại khu vực thi công; kết thúc quá trình nhận chất nạo vét để di chuyển đi đổ; kết thúc hành trình di chuyển đến vị trí đổ và kết thúc quá trình đổ chất nạo vét để di chuyển về khu vực thi công.

2. Nhật ký thi công phải được nhà thầu thi công ghi theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này. Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm kiểm tra, đôn đốc tư vấn giám sát, nhà thầu thi công ghi chép nhật ký thi công nạo vét theo mẫu quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Hàng tuần, tư vấn quản lý dự án đôn đốc tư vấn giám sát lập, gửi báo cáo thông qua hệ thống bưu chính viễn thông hoặc trực tiếp đến chủ đầu tư, tư vấn quản lý dự án theo mẫu quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Công tác kiểm tra, lưu trữ dữ liệu của thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, phương tiện vận chuyển đổ chất nạo vét được quy định như sau:

a) Trước khi triển khai thi công công trình, chủ đầu tư chỉ đạo tư vấn quản lý dự án phối hợp với các đơn vị tư vấn giám sát, đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS, nhà thầu thi công công trình tiến hành kiểm tra hoạt động của thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét. Kết quả kiểm tra được lập thành biên bản theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Nhà thầu thi công có trách nhiệm cung cấp đầy đủ dữ liệu thu được từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét cho chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án.

c) Tư vấn giám sát có trách nhiệm bố trí đủ nhân sự có mặt tại hiện trường thi công trong suốt thời gian thi công công trình để thực hiện, tổng hợp đầy đủ ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) theo quy định và cung cấp kèm theo Báo cáo tuần công tác tư vấn giám sát quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này cho chủ đầu tư và tư vấn quản lý dự án.

d) Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS phục vụ quản lý phương tiện nạo vét có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu hiện trường về số lượng phương tiện, vị trí, vận tốc di chuyển, thời điểm dừng đỗ từ thiết bị AIS lắp trên các phương tiện tham gia thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét.

đ) Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm lưu trữ dữ liệu từ thiết bị ghi hình lắp đặt trên phương tiện thi công do nhà thầu thi công cung cấp và ảnh chụp trên phương tiện vận chuyển, đổ chất nạo vét (khoang chứa chất nạo vét) tại các thời điểm do tư vấn giám sát cung cấp.

e) Dữ liệu thu được từ thiết bị giám sát nạo vét lắp đặt trên phương tiện thi công, vận chuyển, đổ chất nạo vét phải được lưu trữ trong thời gian 03 năm.

**Điều 15. Tổ chức quản lý thi công công trình**

Công tác tổ chức quản lý thi công công trình được thực hiện theo quy định của pháp luật về xây dựng, đồng thời:

a) Tư vấn quản lý dự án có trách nhiệm quản lý, kiểm tra quá trình thực hiện của nhà thầu thi công, tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát và tư vấn môi trường trong quá trình thi công công trình.

b) Chủ đầu tư có trách nhiệm tổ chức kiểm tra định kỳ và kiểm tra đột xuất (nếu cần) để bảo đảm chất lượng, tiến độ công trình.

**Chương III**

**NẠO VÉT KẾT HỢP THU HỒI SẢN PHẨM**

**Điều 16. Tiêu chí lựa chọn doanh nghiệp lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án**

1. Doanh nghiệp gửi hồ sơ đề xuất lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP.

2. Cơ quan có thẩm quyền thực hiện dự án quy định tại Điều 24 Nghị định số 57/2024/NĐ-CP lựa chọn doanh nghiệp lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án theo các tiêu chí ban hành tại Phụ lục IV kèm theo Thông tư này.

3. Doanh nghiệp được lựa chọn lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án là doanh nghiệp có tổng điểm đánh giá các tiêu chí cao nhất. Trường hợp tổng số điểm đánh giá của các doanh nghiệp bằng nhau thì xét tiếp doanh nghiệp cóđiểm đánh giá tiêu chí báo cáo tài chính cao nhất để lựa chọn. Trường hợp điểm đánh giá tiêu chí báo cáo tài chính bằng nhau thì tiếp tục xét doanh nghiệp cóđiểm đánh giá tiêu chí năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp cao nhất để lựa chọn.

**Chương IV**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 17. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Bãi bỏ Thông tư số 35/2019/TT-BGTVT ngày 09 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước cảng biển, Thông tư số 33/2019/TT-BGTVT ngày 06 tháng 9 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về hoạt động nạo vét trong vùng nước đường thủy nội địa.

**Điều 18. Tổ chức thực hiện**

Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Ủy ban nhân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Cục trưởng Cục Đường thủy nội địa Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Như Điều 18;  - Văn phòng Chính phủ; - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ; - Ủy ban An toàn Giao thông quốc gia; - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Các Thứ trưởng Bộ Giao thông vận tải; - Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp); - Công báo; - Cổng TTĐT Chính phủ; - Cổng TTĐT Bộ GTVT; - Báo Giao thông, Tạp chí GTVT; - Lưu: VT, KCHT(05). | **BỘ TRƯỞNG**    **Nguyễn Văn Thắng** |

**Phụ lục I:**

**MẪU NHẬT KÝ THI CÔNG**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT*

*ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHẬT KÝ THI CÔNG**

**PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG:**……*………………………..*

**QUYỂN SỐ**……….**/ SỐ QUYỂN**……….

*(Từ ngày………/……/20.…. đến ngày……../….. /20.…..)*

**Gói thầu số ….. :………………………………………….**

**Công trình : …………………………………………..**

**Chủ đầu tư :…………………………………………..**

**Tư vấn quản lý dự án :…………………………………………..**

**Tư vấn giám sát :…………………………………………..**

**Nhà thầu thi công :…………………………………………..**

*Cách ghi: - Quyển số: Ghi từ quyển 1 đến hết của một phương tiện;*

*- Số quyển: Là tổng số quyển của một phương tiện;*

*- Từ ngày: Là ngày đầu tiên ghi nhật ký chi tiết TC công trình;*

*- Đến ngày: Là ngày cuối cùng ghi nhật ký chi tiết TC công trình.*

*……….. , Năm…...…*

*Trang 02/Quyển số ....*

**NHẬT KÝ THI CÔNG**

Số: …………/20......./NVDT

- Địa điểm thi công*:...(Ghi tên luồng và địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc TW)*….

- Phạm vi thi công: .….. *(Ghi lý trình, hoặc MC, hoặc khu vực … theo thiết kế)*……

- Tư vấn quản lý dự án: ……………………………………………………………...

+ Giám đốc Tư vấn quản lý dự án: Ông ...............................; điện thoại: ...................

+ Thành viên của đơn vị tư vấn quản lý dự án tham gia tại hiện trường:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Điện thoại |
|  | Ông: ......................... |  |
|  | Ông: .......................... |  |

- Tư vấn giám sát thi công: ...................................................................................

+ Giám sát trưởng: Ông ........................................; điện thoại: ............................

+ Giám sát viên:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Điện thoại |
|  | *(Ghi đầy đủ số TVGS phụ trách ký vào nhật ký)* |  |
|  | Ông: ......................... |  |
|  | Ông: .......................... |  |

- Nhà thầu thi công: ..............................................................................................

+ Chỉ huy trưởng công trình: Ông .............................; điện thoại: ........................

+ Cán bộ kỹ thuật thi công:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Điện thoại |
|  | *(Ghi đầy đủ số CBKT phụ trách ký vào nhật ký thi công)* |  |
|  | Ông: .......................... |  |
|  | Ông: .......................... |  |

- Nhà thầu phụ (nếu có): .......................................................................................

+ Khu vực thi công của Nhà thầu phụ: .................................................................

- Bắt đầu thi công (ngày, tháng, năm ): ................................................................

- Kết thúc thi công (ngày, tháng, năm ): ...............................................................

Trong nhật ký này có ......... trang, được đánh số từ 01 đến ........ và được các đơn vị liên quan ……………………… cùng đóng dấu giáp lai tất cả các trang trước khi triển khai thi công.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tư vấn quản lý dự án** | **Tư vấn giám sát** | **Nhà thầu thi công** |
|  |  |  |

*(Ngư­ời lãnh đạo tổ chức, đơn vị ký tên và đóng dấu)*

*Trang ....... (tiếp theo) / Quyển số ....*

**NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

***(Sử dụng cho phương tiện Sà lan vận chuyển và phương tiện máy đào gầu dây)***

***Nạo vét duy tu ………………………***

*………….., ngày …….tháng …… năm …….*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Phương tiện thi công  nạo vét (máy đào gầu dây) | | Họ tên người điều khiểnPhương tiện thi công vận chuyển | Thời gian thi công (h) | | Khu vực thi công (MC số … đến MC số…) | Thời gian vận chuyển đi đổ chất nạo vét (h) | | Tọa độ tại vị trí lúc đổ chất nạo vét (tọa độ GPS) | | Ghi chú |
| Tên phương tiện, ký hiệu | Họ tên người điều khiển phương tiện |
| Bắt đầu cuốc/ nhận CNV | Kết thúc cuốc/ nhận CNV | Bắt đầu di chuyển | Đến vị trí đổ |  |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  | Số chuyến vận chuyển thực hiện trong ngày: chuyến | | | | | |

- Điều kiện thời tiết: Tốt Bình thườngXấu

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATHH và vệ sinh môi trường: Tốt Bình thườngKém

- Tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát nạo vét: Tốt Bình thườngKém

- Mô tả sự cố, khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh (nếu có): …………………………………………………………………………………….……………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

- Lưu ý khác: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tư vấn giám sát *(trực tiếp)*** |  | **Cán bộ kỹ thuật  thi công *(trực tiếp)*** |

*(Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)*

*Trang ....... (tiếp theo) / Quyển số ....*

**NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

***(Sử dụng cho phương tiện Tàu hút bụng tự hành)***

***Nạo vét duy tu ………………………***

*…………….., ngày …….tháng …… năm …….*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ tên người điều khiển phương tiện | Thời gian thi công (h) | | Khu vực thi công (MC số … đến MC số…) | Thời gian vận chuyển đi đổ chất nạo vét (h) | | Tọa độ tại vị trí lúc đổ chất nạo vét (tọa độ GPS) | | Ghi chú |
| Bắt đầu hút CNV | Kết thúc hút CNV | Bắt đầu di chuyển | Đến vị trí đổ | φ |  |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  | Số chuyến vận chuyển thực hiện trong ngày: chuyến | | | | |

- Điều kiện thời tiết: Tốt Bình thườngXấu

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATGT và vệ sinh môi trường: Tốt Bình thườngKém

- Tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát nạo vét: Tốt Bình thườngKém

- Mô tả sự cố, khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh (nếu có): …………………………………………………………………………………….……………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

- Lưu ý khác: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tư vấn giám sát *(trực tiếp)*** |  | **Cán bộ kỹ thuật  thi công *(trực tiếp)*** |

*Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)*

*Trang ....... (tiếp theo) / Quyển số ....*

**NHẬT KÝ CHI TIẾT THI CÔNG CÔNG TRÌNH**

***(Sử dụng cho phương tiện Tàu hút phun)***

***Nạo vét duy tu ………………………***

*…….., ngày …….tháng …… năm …….*

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số lần phun trong ngày | Họ tên người điều khiển phương tiện | Thời gian thi công (h) | | Số giờ hút (giờ) | Ghi chú |
| Bắt đầu hút | Kết thúc hút |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) |
| 1 |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

- Điều kiện thời tiết: Tốt Bình thườngXấu

- Công tác bảo đảm ATLĐ, ATHH và vệ sinh môi trường: Tốt Bình thườngKém

- Tình trạng hoạt động của thiết bị giám sát nạo vét: Tốt Bình thườngKém

- Mô tả sự cố, khó khăn, vướng mắc và vấn đề phát sinh (nếu có): …………………………………………………………………………………….……………..

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

- Lưu ý khác: ……………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………..…

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tư vấn giám sát *(trực tiếp)*** |  | **Cán bộ kỹ thuật  thi công *(trực tiếp)*** |

*(Các thành viên ký và ghi rõ họ tên)*

**Phụ lục II:**

**MẪU BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT*

*ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

**BÁO CÁO TUẦN CÔNG TÁC TƯ VẤN GIÁM SÁT**

*Tuần......(từ ngày..../..../.... đến ngày..../..../....)*

# Kính gửi:

# - Chủ đầu tư:………………………….

# - Tư vấn quản lý dự án:………………

# 1. Cơ sở lập báo cáo

# 2. Thông tin chung về gói thầu thi công nạo vét

- Tên công trình: Nạo vét duy tu

- Nhà thầu thi công nạo vét:

- Nhà thầu phụ (nếu có):

- Phạm vi thi công:

- Khối lượng nạo vét theo thiết kế: .................................................................

- Vị trí đổ chất nạo vét: ....................................................

- Biện pháp thi công chính: ............................................................................

- Tiến độ hoàn thành công trình:

- Ngày khởi công công trình: .........................................................................

# 3. Khái quát về gói thầu tư vấn giám sát

- Tên gói thầu:

- Tên Nhà thầu tư vấn giám sát:

- Thời gian thực hiện:

- Hình thức lựa chọn nhà thầu:

- Hình thức hợp đồng:

# 4. Tổ chức nhân sự thực hiện công tác giám sát

a) Đại diện Tư vấn quản lý dự án............................. tại hiện trường:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Điện thoại - Email | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

b) Tư vấn giám sát:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Điện thoại - Email | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

# 5. Các công tác của tư vấn giám sát trong tuần

# 6. Chi tiết nhà thầu thực hiện và khối lượng đạt được

a) Các công tác chính Nhà thầu thực hiện trong tuần

b) Nhân lực do Nhà thầu huy động trên công trường tại thời điểm báo cáo

- Nhân sự Ban chỉ huy công trường:

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| TT | Họ và tên | Chức vụ | Nhiệm vụ | Điện thoại - Email | Ghi chú |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |

- Công nhân lao động, thuỷ thủ, thuyền viên: *(số lượng)*.......... người.

c) Thiết bị thi công nhà thầu đã huy động đến công trường:

*(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 01 kèm theo)*

d) Công tác thi công nạo vét:

# - Tổng số chuyến vận chuyển chất nạo vét đi đổ trong tuần báo cáo: ………….

# - Lũy kế tổng số chuyến vận chuyển chất nạo vét đi đổ từ khi khởi công đến hết tuần báo cáo: …..........

*(Chi tiết tại Mẫu tổng hợp số 02 kèm theo)*

# 7. Các hồ sơ, tài liệu, văn bản trong tuần

## a) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Nhà thầu phát hành đến TVGS trong tháng:

## b) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản TVGS phát hành trong tháng:

## c) Các hồ sơ, tài liệu, văn bản Chủ đầu tư phát hành trong tháng:

# 8. An toàn lao động và vệ sinh môi trường

# 9. Kế hoạch hoạt động của tư vấn giám sát trong tuần tới *(từ ngày ….. tháng năm … đến ngày … tháng … năm …)*

# 10. Nhận xét và kiến nghị

|  |  |
| --- | --- |
|  | *…….., Ngày ...... tháng …... năm….....* |
|  | **Tư vấn giám sát**  *(Ngư­ời lãnh đạo đơn vị ký tên và đóng dấu)* |

***Nơi gửi:***

*- Như kính gửi;*

*- Nhà thầu thi công....... (để phối hợp);*

*- Lưu.*

*\* Tài liệu gửi kèm theo báo cáo này:*

*- Các Mẫu tổng hợp số 01, số 02, số 03 và số 04;*

*- Tài liệu liên quan khác.........*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MẪU TỔNG HỢP SỐ 01: BẢNG TỔNG HỢP THIẾT BỊ THI CÔNG CHÍNH** | | | | | | | | | | | | |
| **(Đã được ………….. chấp thuận hoạt đông thi công)** | | | | | | | | | | | | |
| **Công trình: ……………..…….** | | | | | | | | | | | | |
|  | | | | | | | | | | | | |
| TT | Tên phương tiện | Số đăng ký hành chính của phương tiện | Cấp phương tiện/Vùng hoạt động | Công suất (CV/HP). Sức nâng (T). Trọng tải toàn phần/Sức chở/ Khả năng khai thác/Lượng chở hàng (T) | Công dụng | Số đăng kiểm/số phân cấp… Hiệu lực ngày …/../… đến ngày.../…/… | GXN hoạt động TBGSNV số… Hiệu lực từ ngày…/…/… đến ngày../../.. Luồng ĐK hoạt động | GCN Bảo hiểm PT số … Hiệu lực từ ngày …/…./… đến ngày../../.. | VB cấp phép thi công số … hiệu lực từ ngày..../…/… đến ngày../../.. | Chủ phương tiện/ đơn vị sử dụng/thuê phương tiện theo HĐ số … ngày …/.../… | Theo HSDT/ thay thế/ bổ sung theo VB chấp thuận số …ngày…/…/… của… | Họ và tên thuyền trưởng/ người điều khiển chính |
| 1 | Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện *(VD: Thái Bình Dương)* | Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện *(VD: HP4165)* | Ghi theo Đăng kiểm phương tiện *(VD: VR-SB hoặc Biển hạn chế III)* | Tàu kéo ghi công suất (CV/HP). Cẩu thì ghi sức nâng (T). Tàu hút phun ghi năng suất (m3/h). Phương tiện vận chuyển ghi Trọng tải toàn phần/Sức chở/ Khả năng khai thác/Lượng chở hàng (T) | Ghi theo GCN đăng ký hành chính hoặc Đăng kiểm phương tiện | Tàu Sông ghi Số đăng kiểm *(VD: V15-02582)* Hiệu lực từ ngày ……. đến ngày …….…... Tàu biển ghi số phân cấp *(VD: VR870333. Hiệu lực từ ngày ….. đến ngày ……)* | *VD: GXN số HP-04/2016. Hiệu lực từ ngày …. đến ngày ………. Luồng Phà rừng, Sông Cấm* | *VD: GCN bảo hiểm số TEA 0006692. Hiệu lực từ ngày …… đến ngày …..…….* | *VD: văn bản số 2177/CVHHHP-QLC. Hiệu lực từ ngày ……. đến ngày ……..* | *VD: Công ty A/Công ty B thuê PT theo HD số …….. ngày ……….* | *VD: Ghi bổ sung theo VB chấp thuận số 2620/TCT……. ngày ……………. của ..…* | *VD: Nguyễn Văn A* |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MẪU TỔNG HỢP SỐ 02: BẢNG TỔNG HỢP CÔNG TÁC THI CÔNG** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| ***(Tổng hợp từ nhật ký thi công)*** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
| **Công trình: Nạo vét duy tu …………...** | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | | |
|  |  |  |  |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  |  | |  | |  | |  | |  |  |  | | |  | |
| TT | Ngày/ Tháng/ Năm | Số chuyến vận chuyển chất nạo vét của phương tiện | | | | | | | | | | | | | Tổng số chuyến vận chuyển | | | KL theo kế hoạch trong HSDT/ điều chỉnh (m3/ ngày) | | Tỷ lệ (%) | | | | | | Thời gian thực hiện hợp đồng còn lại theo HĐ ban đầu/ Điều chỉnh (ngày) | | Nhận xét | Nhà thầu báo dừng Thi công do ảnh hưởng bởi điều kiện thời tiết và thiết bị thi công bị sự cố (ngày) | |
| (Tên/Số ĐKHC phương tiện) | | | (Tên/Số ĐKHC phương tiện) | | | | | (Tên/Số ĐKHC phương tiện) | | | | | KL ước tính đã thực hiện so với kế hoạch trong HSDT/ điều chỉnh | | KL ước tính đã thực hiện so với tổng KL phải thực hiện theo HĐ/điều chỉnh (theo HĐ …. m3) | | Thời gian đã thực hiện so với TG hoàn thành theo HĐ ban đầu/ Điều chỉnh (theo HĐ... ngày) | |
| V.Trí TC (MC... đến MC...) | Số chuyến | | V.Trí TC (MC... đến MC...) | | | Số chuyến | | V.Trí TC (MC... đến MC...) | | | Số chuyến | |
| 1 |  |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | | Phát lệnh khởi công. ...…………. |  | |
| 2 |  |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | | Ghi số PT thực TC trong ngày/số PT đã được CV cấp phép TC. Nguyên nhân các PT không TC và Ghi các nhận xét khác cần thiết *(VD: Chưa đủ PT theo HSDT, không đạt KH ….)* | Ghi rõ đặc điểm thời tiết (sóng cấp …, gió cấp…) và nguyên nhân sự số | |
| 3 |  |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
| **T1** | *Cộng tuần 1* |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
|  | Lũy kế |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
| 4 | …. |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
| .. | ….. |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
| **T2** | *Cộng tuần 2* |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
|  | Lũy kế |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |
| … | ... |  |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | | |  | |  | |  | |  | |  | |  |  | |

**MẪU TỔNG HỢP SỐ 03: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Công trình: | | | Số chuyến thực hiện lũy kế từ đầu: … .. chuyến | |
| Nhà thầu thi công: | | |
| Phương tiện thi công: | Ngày… /… /20.... | Chuyến thứ: … trong ngày |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét | Ảnh màn hình Camera | | Ảnh màn hình AIS | |
| 1. Trước khi nhận chất nạo vét | | | | |
|  | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)* | | |  |
| 1. Sau khi nhận chất nạo vét | | | | |
|  | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)* | | |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét | Ảnh màn hình Camera | Ảnh màn hình AIS |
| 1. Trước khi xả chất nạo vét | | |
|  | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)* |  |
| 1. Sau khi xả chất nạo vét | | |
|  | *((Sử dụng cho phương tiện có Camera chung cho các khoang chứa chất nạo vét)* |  |

**MẪU TỔNG HỢP SỐ 04: TỔNG HỢP DỮ LIỆU ẢNH CHỤP TRÊN PHƯƠNG TIỆN**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Công trình:** | | | | Số chuyến thực hiện lũy kế từ đầu:…… Chuyến |
| **Nhà thầu thi công:** | | | |
| **Phương tiện thi công** | Ngày:… /… /20.... | Chuyến thứ: …..trong ngày | |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái) | | Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS | | |
| 1. Trước khi nhận chất nạo vét | | | | |
| Khoang mũi | | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho tùng  khoang chứa chất nạo vét)*  Ảnh màn hình Camera | | |
| Khoang lái | | Ảnh màn hình AIS | | |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái) | | Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS | | |
| 2. Sau khi nhận chất nạo vét | | | | |
| Khoang mũi | | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho tùng  khoang chứa chất nạo vét)*  Ảnh màn hình Camera | | |
| Khoang lái | | Ảnh màn hìnhAIS | | |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái) | | Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS | | |
| 3.Trước khi xả chất nạo vét | | | | |
| Khoang mũi | | | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho tùng  khoang chứa chất nạo vét)*  Ảnh màn hình Camera | |
| Khoang lái | | | Ảnh màn hìnhAIS | |
| Ảnh khoang chứa chất nạo vét (khoang mũi/khoang lái) | | | Ảnh màn hình Camera/Ảnh màn hình AIS | |
| 4. Sau khi xả chất nạo vét | | | | |
| Khoang mũi | | | *(Sử dụng cho phương tiện có Camera riêng biệt cho tùng  khoang chứa chất nạo vét)*  Ảnh màn hình Camera | |
| Khoang lái | | | Ảnh màn hình AIS | |

**Phụ lục III:**

**MẪU BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ GIÁM SÁT NẠO VÉT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT*

*ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

|  |
| --- |
| **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| *.........., ngày.........tháng ...... năm .........* |

**BIÊN BẢN KIỂM TRA THIẾT BỊ GIÁM SÁT NẠO VÉT**

**LẮP ĐẶT TRÊN PHƯƠNG TIỆN THI CÔNG**

**CÔNG TRÌNH NẠO VÉT DUY TU ……………….**

Lần kiểm tra thứ: ……………

**I. Cơ sở lập biên bản kiểm tra**

- Căn cứ Nghị định số ...............................................;

- Căn cứ Thông tư số ...............................................;

- Căn cứ Quyết định số ..............................................;

- Căn cứ .......................;

**II. Thông tin chung về gói thầu thi công nạo vét**

- Tên công trình: Nạo vét duy tu …… ;

- Gói thầu số: ……………….….. ;

- Chủ đầu tư: …………………… ;

- Tư vấn quản lý dự án: ………… ;

- Tư vấn giám sát: ………………. ;

- Nhà thầu thi công: …………..… ;

- Địa điểm thi công: …….. *(Ghi tên luồng và địa danh tỉnh, thành phố)*

**III. Thành phần tham gia kiểm tra**

**1. Đại diện Tư vấn quản lý dự án**: ………………………………………….......

- Ông/bà.........................., Chức danh: ........................, điện thoại: .........................

**2. Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS**: ………………

- Ông/bà.........................., Chức danh: ........................, điện thoại: .........................

**3. Đại diện Tư vấn giám sát:** ………………………………………...…………

- Ông/bà.........................., Chức danh: ........................, điện thoại: .........................

**4. Đại diện Nhà thầu thi công**: ……………………..…………...……………….

- Ông/bà.........................., Chức danh: ........................, điện thoại: .........................

Hôm nay, ngày …….. tháng ……. năm ……. tại ………………………. Đại diện các đơn vị nêu trên cùng tham gia kiểm tra thiết bị giám sát nạo vét được lắp đặt trên phương tiện tham gia thi công công trình nạo vét duy tu ….…………………… với các nội dung và kết quả kiểm tra dưới đây.

**IV. Nội dung và kết quả kiểm tra**

- Tên tàu và ký hiệu: ………..…………………….………..……….….….;

- Số đăng ký hoặc hô hiệu: ………..…………………….………..…….…;

- Số MMSI: ………..…………………….………..……………………….;

- Cảng đăng ký: ………..…………………….………..………….….…….;

- Số IMO: ………..…………………….…………….…………………….;

- Tải trọng toàn phần của tàu: ………..…………………….………….…..;

- Thuyền trưởng: ……………………………………….…………….……

**1. Thông tin các thiết bị AIS và Camera được lắp đặt trên tàu như sau:**

*1.1. Thông tin chi tiết về thiết bị AIS lắp đặt trên tàu*

- Nhà sản xuất: ………..…………………….………..…………….….….;

- Năm sản xuất: ………..…………………….………..……………….….;

- Số Seri: ………..…………………….………..……….….……………..;

- Chủng loại: ………..…………………….………..……….…………….;

- Class: ………..…………………….………..……….……………….….

*1.2. Thông tin chi tiết về thiết bị Camera lắp đặt trên tàu*

- Nhà sản xuất: ………..…………………….………..……….……….….;

- Năm sản xuất: ………..…………………….………..……….……....….;

- Số Seri: ………..…………………….………..……….……………..….;

- Chủng loại: ………..…………………….………..……….……….....….

*1.3. Thông tin chi tiết về thiết bị bộ ghi hình lắp đặt trên tàu*

- Nhà sản xuất: ………..…………………….………..……….……….….;

- Năm sản xuất: ………..…………………….………..……….……...…..;

- Số Seri: ………..…………………….………..……….……………..….;

- Chủng loại: ………..…………………….………..……….…………….;

- Dung lượng bộ nhớ: ………..…………………….………..……….……

**2. Kết quả kiểm tra như sau:**

*2.1. Thiết bị AIS lắp đặt trên tàu*

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Hạng mục kiểm tra | Có | Không |
| - Đáp ứng theo các tiêu chuẩn IEC 61162-1 và IEC 60945 |  |  |
| - Nguồn điện cung cấp chính: |  |  |
| - Nguồn điện cung cấp dự phòng: |  |  |
| - Thiết bị được lắp đặt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: |  |  |
| - Có tích hợp chức năng định vị hoặc kết nối với hệ thống định vị bên ngoài: |  |  |
| - Thông số cài đặt trong thiết bị đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: |  |  |

*2.2. Thiết bị Camera và bộ ghi hình lắp đặt trên tàu*

| Hạng mục kiểm tra | | Có | Không |
| --- | --- | --- | --- |
| Camera | - Đáp ứng tối thiểu chuẩn IP 66 |  |  |
| - Độ phân giải hình ảnh tối thiểu 420 TV Lines: |  |  |
| - Khả năng quan sát ban đêm qua tính năng hồng ngoại: |  |  |
| - Số lượng: lắp đặt tối thiểu 02 thiết bị camera (01 hoạt động, 01 dự phòng) |  |  |
| Bộ ghi hình | - Hỗ trợ chuẩn nén H.264, MPEG-4 và MJPEC: |  |  |
| - Hiển thị đầy đủ thời gian thực ở thời điểm ghi hình: |  |  |
| - Dung lượng bộ nhớ (tối thiểu 1TB): |  |  |
| - Số lượng: lắp đặt tối thiểu 02 bộ ghi hình (01 hoạt động, 01 dự phòng) |  |  |
| - Nguồn điện cung cấp chính: | |  |  |
| - Nguồn điện cung cấp dự phòng: | |  |  |
| - Thiết bị có chức năng cài đặt mật khẩu: | |  |  |
| - Thiết bị được lắp đặt đáp ứng yêu cầu kỹ thuật: | |  |  |

**V. Các ý kiến khác**

-

-

**VI. Kết luận:**

-

-

Đại diện các đơn vị cùng tham gia kiểm tra với kết quả nêu trên và thống nhất ký tên xác nhận dưới đây. Biên bản kiểm tra này được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 bản và 01 bản được đơn vị kiểm tra gửi về Chủ đầu tư để báo cáo.

|  |  |
| --- | --- |
| **Đại diện Tư vấn quản lý dự án**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Tư vấn giám sát**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |
| **Đại diện Đơn vị cung cấp dịch vụ quản lý, khai thác thông tin AIS**  *(ký, ghi rõ họ tên)* | **Đại diện Nhà thầu thi công**  **Chỉ huy trưởng công trình**  *(ký, ghi rõ họ tên)* |
|  |  |

**Phụ lục IV:**

**BẢNG TIÊU CHÍ LỰA CHỌN DOANH NGHIỆP   
LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU KHẢ THI**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số /2024/TT-BGTVT*

*ngày tháng năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)*

| **TT** | **Tiêu chí** | **Kết quả đánh giá** | |
| --- | --- | --- | --- |
| **Điểm đánh giá** | **Điểm tối đa** |
| **1** | **Pháp nhân** |  | **10** |
| 1.1 | Doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật |  | 5 |
| 1.2 | Có ngành nghề kinh doanh về công trình cảng, đường thủy |  | 10 |
| **2** | **Báo cáo tài chính 02 năm liền kề đã kiểm toán** |  | **50** |
| 2.1 | 02 năm lợi nhuận âm |  | 0 |
| 2.2 | 02 năm lợi nhuận bằng không |  | 30 |
| 2.3 | 02 năm lợi nhuận lớn hơn không |  | 50 |
| 2.4 | 01 năm lợi nhuận bằng 0 và 01 năm lợi nhuận âm |  | 15 |
| 2.5 | 01 năm lợi nhuận lớn hơn không và 01 năm lợi nhuận âm |  | 25 |
| 2.6 | 01 năm lợi nhuận lớn hơn không và 01 năm lợi nhuận bằng không |  | 40 |
| **3** | **Năng lực, kinh nghiệm của doanh nghiệp** |  | **40** |
| 4.1 | Số năm hoạt động liên tục của doanh nghiệp |  | 10 |
| - | *Từ 1 đến 4 năm* |  | *4* |
| - | *Từ 5 đến 9 năm* |  | *9* |
| - | *Từ 10 năm trở lên* |  | *10* |
| 4.2 | Hợp đồng thực hiện dự án tương tự (Hợp đồng lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, Hợp đồng thực hiện dự án nạo vét kết hợp tận thu sản phẩm, Hợp đồng thực hiện dự án nạo vét KCHT hàng hải, đường thủy nội địa) |  | 30 |
| *-* | *Từ 1 đến 4 dự án* |  | *10* |
| *-* | *Từ 5 đến 9 dự án* |  | *20* |
| *-* | *Từ 10 dự án trở lên* |  | *30* |
| 4.3 | Nhân sự |  | 10 |
|  | *Có cán bộ kỹ thuật chuyên ngành về công trình cảng, đường thủy (chứng minh bằng Hợp đồng lao động và chứng chỉ hành nghề hoặc bằng đại học)* |  | *10* |
|  | **Tổng điểm** |  | **100** |